TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - Hạnhphúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Tạ Xuân Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thúy L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thúy L trình bày: Chị và anh Phan Văn Đ tìm hiểu được 05 năm thì tự nguyện đi đến hôn nhân. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi cưới vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc cho đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ vào tỉnh Long An làm việc và ngoại tình, không có trách nhiệm với cuộc hôn nhân. Chị khuyên ngăn và yêu cầu anh Đ về quê làm để gần vợ con nhưng anh Đ không đồng

ý nên chị đưa con về nhà mẹ ruột sống từ đầu năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên là Phan Trương Hoàng N, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2023. Hiện con đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn Đ không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia tố tụng.

Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phướcphát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấphành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh Đ, giao con chung cho chị L nuôi và buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Phan Văn Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ đang cư trú tại thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị L.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị L cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Thúy L và anh Phan Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P nên hôn nhân giữa chị L, anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L nộp đơn yêu

cầu ly hôn vì lý do anh Đ ngoại tình, không có trách nhiệm với cuộc hôn nhân của vợ chồng chị. Anh Đ không đến Tòa cũng như không đưa ra ý kiến gì để đoàn tụ mà bỏ mặc hạnh phúc gia đình. Anh chị không còn sống chung từ đầu năm 2022 cho đến nay. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị L được ly hôn anh Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là cháu Phan Trương Hoàng N, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2023. Chị L yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi và thời gian không sống chung chị L vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu N được phát triển bình thường. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Xét thấy, không có căn cứ xác định được mức thu nhập của anh Đ nên mức cấp dưỡng nuôi con được xác định bằng 2/3 mức lương cơ sở tương đương 1.800.000 đồng x 2/3 = 1.200.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng, mỗi tháng 1.200.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung và nợ: Chị L, anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trương Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Phan Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Trương Thị Thúy L ly hôn anh Phan Văn Đ.

2. Giao con chung là cháu Phan Trương Hoàng N, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2023 cho chị Trương Thị Thúy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Phan Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Trương Hoàng N hàng tháng, mỗi tháng 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Trương Thị Thúy L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001370 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Anh Phan Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách nhà nước.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơinhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thuận (Số 102/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên